	JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表													
			SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR−6	SR-7	SR-8	SR-9	SR-10		
順位	B-K ゥラス	所属クラブ 3台以上 3戦以上	2/25 CRMC• FMSC	3/17 GRAVEL	4/7 RASCAL• FMSC	4/28 T-XT	5/19 RC熊本	6/9 V	6/30 RC-大分・ FMSC	7/21 T-OM	9/8 RTCR	10/6 TOBIUME	獲得合計	有効点数
		(出走台数)	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台		
			不	不	不	不	不	不	不	不	不	不		不
			成	成	成	成	成	成	成	成	成	成		成
			立	立	立	<u> </u>	立	<u> </u>	<u> </u>	立	立	<u> </u>		立

			アシリース SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	SR-10		
順位	B-FF 1952	所属クラブ 3台以上 3戦以上	2/25 CRMC• FMSC	3/17 GRAVEL	4/7 RASCAL• FMSC	4/28 T-XT	5/19 RC熊本	6/9 V	6/30 RC-大分。 FMSC	7/21 T-OM	9/8 RTCR	10/6 TOBIUME	獲得合計	有効点数
		(出走台数)	5台	6台	6台	7台	7台	4台	6台	6台	3台	6台		7戦
1	竹村 吏駒	QUCC	15	12	15	20	20	20	20	-	-	20	142	130
2	工藤 徳人	QUCC	20	20	20	4	12	-	15	20	-	12	123	119
3	万田 周一郎	RASCAL	-	-	-	8	15	12	12	15	20	15	97	97
4	清水 和彦	C&C	12	8	10	12	8	15	10	12	12	-	99	83
5	石井 大雅	RC熊本	10	10	6	6	-	10	8	8	15	-	73	67
6		QUCC	-	R	12	15	10	-	-	10	-	8	55	55
7	仲西 佑真	QUCC	-	15	8	10	6	_	-	-	-	10	49	49
8	芝 亮真	QUCC	8	-	-	-	-	-	-	-	-	6	14	14
9	笹栗 魁人	Keishikai	-	-	-	-	4	-	6	-	-	-	10	10
10	菅 裕明	AMS宮崎	-	-	-	-	-	-	-	6	-	-	6	6

	JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表													
			SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	SR-10		
順位	B-FR 1952	所属クラブ 3台以上 3戦以上	2/25 CRMC• FMSC	3/17 GRAVEL	4/7 RASCAL• FMSC	4/28 T-XT	5/19 RC熊本	6/9 V	6/30 RC-大分・ FMSC	7/21 T-OM	9/8 RTCR	10/6 TOBIUME	獲得合計	有 効 点 数
		(出走台数)	11台	12台	9台	12台	9台	13台	7台	10台	7台	7台		7戦
1	足立 智紀	RC-大分	20	8	-	20	10	15	20	20	-	-	113	113
2	藤澤 卓弘	RC-大分	10	12	15	15	20	10	12	12	20	-	126	106
3	山﨑 重夫	RC-大分	15	20	12	10	6	8	-	15	12	-	98	92
4	久保田 匡紀	TCF	-	15	6	12	15	12	15	-	15	-	90	90
5	河崎 大輔	RTCR	R	R	20	0	12	20	8	8	-	-	68	68
6	柴山 隼	C&C	6	6	10	0	-	2	-	10	10	12	56	56
7	小林 孝至	C&C	4	3	4	8	8	3	6	6	-	8	50	44
8	江口 英司	TCF	8	4	R	6	R	0	-	4	-	15	37	37
9	田中 知香	C&C	2	2	3	3	-	0	4	3	8	-	25	25
10	福田 湧生	QUCC	3	10	8	-	-	-	-	-	-	-	21	21
11	今山 輝	TOBIUME	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	20	20
12	勝山 浩	TCF	-	-	-	2	4	1	-	-	6	6	19	19
13	斎藤 蓮	QUCC	-	-	-	-	-	6	10	-	-	-	16	16
14	菅谷 晴也	QUCC	12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12	12
15	宮井 浩志	Desire	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10	10	10
16	岩本 一夫	C&C	1	-	-	1	R	0	-	R	-	4	6	6
17	日高 豊	RC-大分	-	-	-	4	-	-	-	-	-	-	4	4
17	竹田 昇平	C&C	-	-	-	-	-	4	-	-	-	-	4	4
17	伊藤 大恩	RASCAL	-	R	-	-	-	-	-	-	4	-	4	4
20	年見 憲人	R-10-N	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	2	2
21	菅谷 晴也	QUCC	-	R	-	-	-	-	-	-	-	-	0	0
	I .						1							1

	JMRC九州ジムカーナ ジュニアシリーズ 成績表													
			SR-1	SR-2	SR-3	SR-4	SR-5	SR-6	SR-7	SR-8	SR-9	SR-10		
順位	B-4WD 052	所属クラブ 3台以上 3戦以上	2/25 CRMC• FMSC	3/17 GRAVEL	4/7 RASCAL• FMSC	4/28 T-XT	5/19 RC熊本	6/9 V	6/30 RC-大分。 FMSC	7/21 T-OM	9/8 RTCR	10/6 TOBIUME	獲得合业	有効点数
		(出走台数)	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台	0台		
			不	不	不	不	不	不	不	不	不	不		不
			成	成	成	成	成	成	成	成	成	成		成
			立	立	立	立	立	<u>立</u>	立	立	立	立		立